

Bản án số: 97/2018/DS-PT

Ngày: 18- 5- 2018

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1969 (có mặt)

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị L, ông Lê Hoàng P – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại bản tự khai ngày 07 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - anh Huỳnh Văn S trình bày: Ông P và bà L làm chủ hụi có mở nhiều dây hụi, trong đó anh tham gia chơi 03 chung hụi, chơi hụi được một thời gian thì ông P, bà L tuyên bố ngưng hụi mà không thanh toán tiền cho anh, cụ thể như sau:

Hụi mở ngày 20/6/2015 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui 1 lần, hụi gồm 24 chung, anh tham gia chơi 02 chung và đóng được 15 lần (anh đã hốt 01 chung và còn lại 09 kỳ hụi chết).

Hụi mở ngày 06/8/2015 âm lịch, hụi 10.000.000 đồng, một tháng khui 01 lần, hụi gồm 24 chung, anh tham gia chơi 01 chung và đóng được 14 lần với số tiền là 140.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi thể hiện ông P, bà L còn nợ anh số tiền là 170.000.000 đồng. Ông P, bà L trả dần cho anh số tiền 78.700.000 đồng, còn nợ lại số tiền 91.300.000 đồng, anh đã yêu cầu ông P, bà L trả tiền nhiều lần nhưng ông P, bà L không trả.

Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm anh S thay đổi yêu cầu, anh S yêu cầu bà L, Ông P trả số tiền vốn hụi anh đã đóng là 26.700.000 đồng (nợ gốc) và yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định Nhà nước.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06 tháng 11 năm 2017, biên bản ghi ý kiến ngày 04 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà thừa nhận anh S có tham gia chơi các dây hụi do chồng bà làm chủ hụi, ngày khai, loại hụi, tổng số chung trong dây hụi, số chung anh S tham gia chơi hụi đúng như lời anh S trình bày. Đối với chung hụi 10.000.000 đồng thì anh S đóng 14 kỳ hụi với số tiền 98.500.000 đồng, đối với chung hụi 5.000.000 đồng anh S đóng được 15 kỳ với số tiền 53.990.000 đồng và hốt 01 chung hụi 5.000.000 đồng còn lại 09 kỳ hụi chết. Tổng cộng anh S đóng hụi với số tiền 152.490.000 đồng, nhưng bà đã trả cho anh S số tiền 80.500.000 đồng và trừ số tiền hụi chết 09 kỳ với số tiền 45.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bà trả và tiền hụi chết thì bà còn nợ anh S số tiền 26.700.000 đồng. Nay anh S yêu cầu bà trả số tiền 26.700.000 đồng thì bà đồng ý, còn đối với yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật thì bà không đồng ý.

Từ nội dung trên, tại bản án số: 05/2018/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của hính phủ về hụi, họ, biểu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn S đối với ông Lê Hoàng P, bà Phạm Thị L.

Buộc ông Lê Hoàng P, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn S số tiền 85.288.351 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/3/2018, ông Lê Hoàng P và bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận trả lãi.

Tại đơn ngày 09/5/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm, đồng bị đơn kháng cáo bổ sung cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi 02 dây hụi bằng 58.588.351 đồng (trên số tiền gốc 152.490.000 đồng), nhưng không đối trừ số tiền vợ chồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 81.200.000 đồng (tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn điều chỉnh lại số tiền đã trả là 80.700.000 đồng, qua 04 lần trả cho nguyên đơn: 37.000.000 đồng vào ngày 15/12/2016 âm lịch; 7.500.000 đồng vào ngày 29/01/2017; 34.200.000 đồng vào ngày 25/5/2017; 2.000.000 đồng vào ngày 11/6/2017 âm lịch) và số tiền 45.000.000 đồng (09 chân hụi chết) bị đơn và nguyên đơn đã đối trừ vào ngày 21/9/2016 âm lịch.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông P, bà L trình bày là ông bà chấp nhận trả nợ gốc cho anh Huỳnh Văn S là 26.700.000 đồng và đề nghị anh S giảm lãi cho ông bà từ số tiền 58.588.351 đồng (theo án sơ thẩm), xuống còn 20.000.000 đồng, ông bà chấp nhận trả cho anh S tổng cộng 46.700.000 đồng, thì ông bà chấp nhận thỏa thuận này, mà không yêu cầu cấp phúc thẩm tính lại lãi suất. Đồng thời, anh Huỳnh Văn S thống nhất với đề nghị của Ông P– bà L. Theo đó, anh S chấp nhận với số tiền thỏa thuận được nợ gốc là 26.700.000 đồng và chấp nhận giảm số tiền lãi từ 58.588.351 đồng xuống còn 20.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của Ông P và bà L, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 46.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông bà đồng ý trả cho anh S tiền nợ gốc 26.700.000 đồng nhưng không đồng ý trả nợ lãi với số tiền cấp sơ thẩm đã tính là 58.588.351 đồng (trên số tiền gốc 152.490.000 đồng), vì cấp sơ thẩm không trừ số tiền vợ chồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 80.700.000 đồng (04 lần trả đều được nguyên đơn thừa nhận) và 45.000.000 đồng (09 lần trả đều được nguyên đơn thừa nhận). Xét bị đơn có kháng cáo bổ sung, cho rằng cần trừ nợ gốc trước khi tính lãi, điều này là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu là bị đơn không thống nhất trả lãi (khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự). Quá trình khởi kiện, các bên đương sự xác định nguyên đơn đã chơi hội 02 dây, 03 chân như sau:

Dây hội mở ngày 20/6/2015 âm lịch (ngày 04/8/2015 dương lịch), mỗi tháng khai hội 01 lần, loại hội 5.000.000 đồng, anh S tham gia chơi 02 chung, nhưng đã hót 01 chung, và anh S đã hót xong, hội chết anh S phải đóng lại 09 chung là 4.500.000 đồng. Còn lại 01 chung, anh S đã góp hội được 15 lần thì hội bị đình (số tiền gốc góp tăng giảm mỗi lần khác nhau) (bút lục số 22) nhưng tính tổng số tiền anh S đã đóng gốc là 53.990.000 đồng (bình quân mỗi lần đóng là 3.599.333 đồng).

Dây hội mở ngày 06/8/2015 âm lịch (ngày 18.9.2015 dương lịch), mỗi tháng khai hội 01 lần, loại hội 10.000.000 đồng, anh S tham gia chơi 01 chung đã góp hội được 14 lần thì hội bị đình, (số tiền gốc góp tăng giảm mỗi lần khác nhau), (theo danh sách bút lục số 22), nhưng tính tổng với số tiền anh S đã góp gốc là 98.500.000 đồng (bình quân mỗi lần góp là 7.035.714 đồng).

Tổng số tiền hội gốc anh S đã góp vào nêu trên là 152.490.000 đồng (Theo danh sách do bà L cung cấp, Bút lục số 22).

[2] Đối chiếu giấy ghi có nội dung chốt tiền hội ngày 21/9/2016 âm lịch (Bút lục số 69) phía bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm, các bên thừa nhận ngày 20/9/2016 âm lịch đình hội, ngày 21/9/2016 âm lịch, phía anh S thống nhất trừ

45.000.000 đồng tiền 09 chân hui chết; sau đó phía bị đơn đã trả dần cho nguyên đơn thêm số tiền 80.700.000 đồng, như vậy tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 125.700.000 đồng. Lẽ ra, sau khi đối trừ số tiền bị đơn trả, thì nợ gốc phải được xác định là 26.790.000 đồng, chứ không phải 27.000.000 đồng. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,67%/tháng (cấp sơ thẩm làm tròn từ 1,66% thành 1,67%) cho lãi chơi hui, lãi chậm thanh toán (tính từ ngày khai hui đến khi xét xử sơ thẩm như bản án sơ thẩm nêu) mà không đối trừ nợ gốc mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là có sai sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Xét giao dịch chơi hui của các bên diễn ra từ ngày 21.9.2016 âm lịch, nhưng chưa thực hiện xong, nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 (hướng dẫn về thực hiện điều khoản chuyển tiếp), thì cần áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán là 13,5%/năm, 1,125%/tháng theo quy định tại các điều 305, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố về mức lãi suất cơ bản; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường.

[3] Lẽ ra cấp phúc thẩm điều chỉnh lại số tiền lãi như đã nhận định có sai sót của cấp sơ thẩm (theo hướng giảm xuống cho bị đơn sau khi đối trừ nợ gốc bị đơn đã trả cho nguyên đơn) cho phù hợp với quy định của pháp luật. Song, tại phiên tòa, các bên nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị theo hướng, Ông P– bà L chấp nhận trả cho anh S số tiền gốc là 26.700.000 đồng, tiền lãi giảm xuống còn lại là 20.000.000 đồng (chứ không yêu cầu cấp phúc thẩm tính lại tiền lãi), tổng số tiền anh S nhận từ Ông P– bà L là 46.700.000 đồng. Đồng thời, các bên đều đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận giảm lãi suất này của các đương sự. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên được công nhận là phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của Ông P– bà L; sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 46.700.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:Chấp nhận kháng cáo của Ông P– bà L, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 46.700.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo sự thỏa thuận đã được công nhận tại tòa. Đối với đồng bị đơn có yêu cầu xin giảm một phần án phí tại tòa, nhưng không có đơn xác nhận tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên không được chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nguyên đơn là anh Huỳnh Văn S với bị đơn ông Lê Hoàng P- bà Phạm Thị L. Buộc ông Lê Hoàng P- bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn S số tiền là 46.700.000 đồng (bốn mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lê Hoàng P, bà Phạm Thị L phải chịu 2.335.000 đồng (chưa nộp). Anh Huỳnh Văn S không phải chịu án phí, đã dự nộp 2.280.000 đồng, theo biên lai số 0011554, ngày 22.8.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được hoàn lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị L, ông Lê Hoàng P không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0011872 ngày 26/3/2018 được hoàn lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út